TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2021/DS-ST Ngày 30 - 11 - 2021 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Trang.

Ông Nguyễn Thế Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Loan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Ông Trương Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST-DS ngày 12/11/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số 35 đường V, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trường G – Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao Dịch huyện K (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2021).

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Bá T1, sinh năm 1958 và bà Lê Thị G, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Bá T2, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2019, ông Phạm Bá T1 và bà Lê Thị G (bị đơn) ký hợp đồng tín dụng vay vốn với Ngân hàng T (nguyên đơn) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11964535/HĐTD:

- Số tiền vay: 130.000.000 đồng;
- Dư nợ hiện tại: 130,000,000 đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò;
- Thời hạn vay 11 tháng từ ngày 02/01/2019;
- Lãi suất: áp dụng cố định 10.5%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Khoản vay nói trên được đảm bảo bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2018/7135301/HĐTC ngày 27/12/2018 ký kết giữa bên thế chấp là ông Phạm Bá T2, bên được đảm bảo là bị đơn và bên nhận thế chấp là nguyên đơn cụ thể: Đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyến sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 104919 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/09/2016.

+ Thửa đất số: 292 + Tờ bản đồ số: 05

+ Địa chỉ thửa đất: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

+ Diện tích: 425m^2 (Bốn trăm hai mươi lăm mét vuông)

+ Mục đích: Đất ở : 100 m^2; Đất trồng cây lâu năm : 325 m^2.

+ Thời hạn sử dụng: Đất ở: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: 2043

+ Số vào sổ cấp GCN: CS 21582

+ Sử dụng chung: không ; Sử dụng riêng: 425 m^2

Thực hiện hợp đồng: Số tiền giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11964535/HĐTD ngày 02/01/2019: 130.000.000 VNĐ. Khoản vay trên đã đến hạn thanh toán ngày 02/12/2019, tuy nhiên đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện thanh toán tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Số dư tính đến ngày 30/11/2021:

+ Số dư nợ gốc: 130.000.000 đồng

+ Số tiền lãi: 46.503.493 đồng

Tổng cộng: 176.503.493 đồng

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nêu trên và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11964535/HĐTD ngày 02/01/2019 từ ngày 01/12/2021 cho đến khi bị đơn thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với nguyên đơn.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, đề nghị Tòa án tuyên cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 01/2018/7135301/HĐTC ngày 27/12/2018 giữa các bên để thu hồi nợ vay cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2021 và bản tự khai ngày 27/8/2021 bị đơn ông Phạm Bá T1 và bà Lê Thị G trình bày:

Ngày 02/01/2019 bị đơn có ký hợp đồng tín dụng số 01/2019/11964535/HĐTD vay của nguyên đơn số tiền gốc là 130.000.000 đồng, lãi suất và thời hạn trả nợ đúng như theo Hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn đã trình bày, mục đích vay tiền về để chăn nuôi và tu sửa nhà ở. Khi vay bị đơn có nhờ con trai là ông Phạm Bá T2 bảo lãnh thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyến sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 104919 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/09/2016 đối với thửa đất số 292, tờ bản đồ số 05 tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để làm biện pháp bảo đảm cho khoản vay. Sau khi được Ngân hàng giải ngân bị đơn đã sử dụng vốn vay đúng mục đích và có trả được cho ngân hàng 06 tháng tiền lãi. Tuy nhiên, do bị dịch bệnh và làm ăn thất bại nên bị đơn không tiếp tục trả được nợ cho Ngân hàng đúng thời hạn. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 01/03/2021 là 159,618,630 đồng (trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng và lãi 29.618.630 đồng) thì bị đơn đồng ý, nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình bị đơn đang gặp khó khăn nên mong nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn được trả góp hoặc chuyển nợ cho con gái trả thay cho bị đơn. Sau khi được nguyên đơn giải ngân cho vay thì ông T2 đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân và giao lại tài sản thế chấp cho bị đơn quản lý sử dụng. Vì vậy, nếu bị đơn không trả được nợ thì bị đơn đồng ý cho ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Bá T2 đã bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo cho ngân hàng biết địa chỉ mới. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tống đạt qua người thân của ông T2 và niêm yết thông báo thụ lý vụ án cũng như nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho ông T2 biết để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, ông T2 đều không có mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73

Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc và tiền lãi phát theo Hợp đồng tín dụng. Trường hợp, bị đơn trả nợ không đầy đủ hoặc không có điều kiện trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11964535/HĐTD ngày 02/01/2019 nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại Thôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11964535/HĐTD ngày 02/01/2019, lời khai của nguyên đơn và bị đơn thể hiện vào ngày 02/01/2019 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay dùng để chăn nuôi bò, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 02/12/2019, lãi suất vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn vay các số tiền như trên nhưng khi đến hạn trả nợ bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Dư nợ tính đến ngày 30/11/2021 là 176.503.493 đồng, trong đó: nợ gốc 130.000.000 đồng và nợ lãi là 46.503.493 đồng. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo nội dung hợp đồng tín dụng đã xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc.

[3] Về nợ lãi: Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Căn cứ tại Thông tư số

12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó tính đến ngày 30/11/2021 bị đơn phải trả cho nguyên đơn 46.503.493 đồng tiền lãi là có cơ sở nên cần chấp nhận. Đồng thời, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/12/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Về biện pháp bảo đảm: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có bão lãnh thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/7135301/HĐTC ngày 27/12/2018. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 104919 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/09/2016 mang tên hộ bà Lê Thị D được đăng ký biến động sang tên cho ông Phạm Bá T2 vào ngày 15/12/2016, đối với thửa đất số 292, tờ bản đồ số 05 tại xã Ea Hu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng Công chứng Cư Kuin và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cư Kuin theo quy định tại Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là có căn cứ và cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã nộp 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này là phù hợp với quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Bá T1 và bà Lê Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với mức: 176.503.493 đồng x 5% = 8.825.150 đồng. Tuy nhiên, do ông T1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, còn lại bà G phải chịu 8.825.000 đồng : 2 = 4.413.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 299, 335, 336, 339, 342, 463, 466, Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Phạm Bá T1 và bà Lê Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng T số tiền tính đến ngày 30/11/2021, gồm: nợ gốc 130.000.000 đồng và nợ lãi 46.503.493 đồng, tổng cộng 176.503.493 đồng *(Một trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng).*

Kể từ ngày 01/12/2021 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2019/11964535/HĐTD ngày 02/01/2019.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng T có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp cho ông Phạm Bá T2 sau khi ông Phạm Bá T1 và bà Lê Thị G trả hết nợ. Nếu ông Phạm Bá T1 và bà Lê Thị G không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/7135301/HĐTC ngày 27/12/2018. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 104919 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/09/2016 mang tên hộ bà Lê Thị D được đăng ký biến động sang tên cho ông Phạm Bá T2 vào ngày 15/12/2016 đối với thửa đất số 292, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà giá trị không đủ trả nợ thì ông Phạm Bá T1 và bà Lê Thị G vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Bá T1 và bà Lê Thị G có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng T 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí: Ông Phạm Bá T1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, bà Lê Thị G phải chịu 4.413.000 đồng *(bốn triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng T không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.990.000 đồng *(ba triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng)* theo biên lai số 60AA/2021/001826 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quốc Định